

Bản án số: 115/2020/HSST

Ngày: 15-9-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**  
**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà: **Nguyễn Thị Thu Hương.**
- *Các Hội thẩm nhân dân :*
  - + Ông **Đào Duy Ngọc.**
  - + Ông **Hoàng Văn Trách.**
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà **Trần Thị Oanh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:* Ông **Nguyễn Văn Nhiệm**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 108/2020/HSST ngày 06 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HS ngày 04/9/2020 đối với các bị cáo:

**1. Đ V L**, sinh năm 1984.

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

ĐKKHKT: Kh 4, phường T B, thành phố H D, tỉnh H D.

Chỗ ở: Thôn K D, xã Th D, huyện B Gi, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: không biết chữ.

Con ông Đ V Ch (đã chết) và bà H Th V.

Vợ: Chị Ng Th H (đã ly hôn).

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân: Quyết định số 309/QĐ-XPVPHC ngày 03/11/2005 Công an thành phố Hải Dương, xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000đ về hành vi Đánh bạc. Nộp tiền phạt ngày 03/11/2005.

Quyết định số 12/QĐ-XPVPHC ngày 16/12/2007 Công an thành phố Hải Dương, xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000đ về hành vi Đánh bạc. Nộp tiền phạt ngày 19/12/2007.

Bản án số 19/2009/HSST ngày 31/8/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Nộp án phí ngày 21/12/2009. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010.

Bị cáo bắt tạm giam ngày 26/5/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Đ V Đ**, sinh năm 1990.

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

ĐKKHKT và chỗ ở: Số 19 V Q, khu 1, phường H T, thành phố H D, tỉnh H D.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Đ V Nh và bà Đ Th Th.

Vợ: Chị B Th Th Th.

Bị cáo có 01 con sinh năm 2019.

Tiền sự: Chưa.

Tiền án:

1. Bản án số 168/2017/HSST ngày 06/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2018.

2. Bản án số 04/2019/HSST ngày 21/2/2019, của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/9/2019.

\*Nhân thân: Quyết định số 245/QĐ-XPVPHC ngày 01/9/2015 Công an thành phố Hải Dương, xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Nộp tiền phạt ngày 16/9/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/5/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:**

1. Chị H Th Ch, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số 51/113 Kh Th D, phường Th B, thành phố H D, tỉnh H D.

2. Anh Ng Đ Ph, sinh năm 1975 và chị Ng Th H, sinh năm 1982.

Đều trú tại địa chỉ: Số 6/14/146 phố Đ M, phường Th B, thành phố H D.

**- Người làm chứng:**

+ Chị B Th Th Th, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 19 V Q, khu 1, phường H T, TP. H D.

+ Chị H Th L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 8/63 Kh Th D, phường Th B, TP. H D.

Chị Th có mặt; chị L xin vắng mặt tại phiên tòa.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đ V L có quan hệ quen biết với anh Ng Đ Ph ở số 6/14/146 Phố Đ M, phường Th B, thành phố H D và có quan hệ họ hàng với chị H Th Ch ở 51/11 Kh Th D, phường Th B, thành phố H D. L nhiều lần đến nhà anh Ph và chị Ch chơi, biết có tài sản là xe máy điện hay để sơ hở nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Khoảng 01 giờ ngày 07/01/2020, L gọi điện thoại rủ Đ V Đ cùng đi trộm cắp tài sản. Đ đồng ý và đến phòng trọ của L ở khu T K, phường T B, thành phố H D, Đ lấy 01 then cài cửa bằng kim loại dài khoảng 20cm tại phòng trọ của L để làm công cụ phá khóa. Sau đó Đ chở L bằng xe mô tô (không rõ biển số Đ mượn của một người bạn không rõ tên tuổi

địa chỉ) theo chỉ dẫn của L đến nhà chị Ch. Khoảng 02 giờ cùng ngày, L và Đ đến nhà chị Ch thấy trong sân có dựng một xe máy điện nhãn hiệu HTC màu đen biển số 34MĐ1- 353.47, Đ lấy chiếc then cửa bằng kim loại đem theo từ trước luôn vào chiếc khóa dây khóa cổng nhà chị Ch rồi vặn xoắn nhiều vòng làm chiếc khóa dây bung ra. Đ vào trong sân dắt chiếc xe máy điện ra (trên ổ khóa của xe có cắm một chùm chìa khóa) rồi cả hai đi về phòng trọ của L cất chiếc xe vừa trộm cắp được. Khi thấy chùm chìa khóa nhà chị Ch ở trên xe L và Đ rủ nhau quay lại tiếp để tiếp tục trộm cắp tài sản. Khi đến nhà chị Ch, L đứng ngoài cảnh giới còn Đ cầm chìa khóa mở cửa phòng khách bê 01 chiếc ti vi màn hình phẳng nhãn hiệu TCL 55inch vỏ màu đen ra cho L rồi quay lại bê 01 chiếc âm ly nhãn hiệu Jarguar PA203A để lên yên xe mô tô cùng L chở về phòng trọ của L cất giấu. Khoảng 05 giờ cùng ngày L rủ Đ đến nhà anh Ng Đ Ph để trộm cắp tài sản. Đ chở L đến đầu ngõ của Ph M, phường Th B, thành phố Hải Dương rồi L bảo Đ đứng cảnh giới còn L đi bộ vào nhà anh Ph. Thấy cổng nhà anh Ph không khóa nên L mở cổng vào trong sân dắt chiếc xe máy điện nhãn hiệu GIANT màu trắng đen biển số 34MĐ1-121.83 ra rồi đi đến gửi tại nhà xe viện quân Y7. Khoảng 12 giờ cùng ngày L đến lấy chiếc xe trộm cắp được tại nhà anh Ph rồi bán cho một người tên Ph (không rõ họ và địa chỉ) với số tiền 3.000.000đ. Còn Đ đem bán chiếc xe máy điện, chiếc ti vi và chiếc âm ly trộm cắp được ở nhà chị Ch bán cho một người không quen biết với số tiền 3.500.000đ. Sau khi bị mất tài sản, chị Ch và anh Ph xem hình ảnh camara nghi ngờ cho Đ V L là người thực hiện trộm cắp tài sản. Ngày 20/4/2020 chị Ch và anh Ph trình báo sự việc với cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H D.

\*Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/KL- HĐĐG ngày 08/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của UBND thành phố H D kết luận:

- Giá trị 01 (một) chiếc xe máy điện nhãn hiệu HTC, màu đen đeo biển số 34MĐ1-353.47 số loại SPORT là 5.985.000đ.
- Giá trị 01 chiếc ti vi nhãn hiệu TCL màn hình 55inch là 7.192.000đ.
- Giá trị 01 chiếc âm ly nhãn hiệu Jarguar PA2 là 2.600.000đ.
- Giá trị 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu GIANT, màu trắng -đen đeo biển số 34MĐ1-121.83, số máy: không có, số khung 621508815492 là 6.570.000đ. Cộng 22.347.000đ (hai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 106/CT-VKSTPHD ngày 05/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo Đ V L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; bị cáo Đ V Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đ, L đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Bị hại chị Ch, anh Ph, chị H đã được các bị cáo bồi thường giá trị tài sản theo kết luận định giá tài sản và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố bị cáo Đ V L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58, Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Đ V L từ 18 tháng đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam ngày 26/5/2020.

- Tuyên bố bị cáo Đ V Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58, Điều 38 BLHS.

Xử phạt bị cáo Đ V Đ từ 30 tháng đến 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam ngày 26/5/2020.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

- Về vật chứng: Không giải quyết.

- Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu lệ phí, án phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, phù hợp lời khai của các bị cáo, bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ 01 giờ đến 05 giờ ngày 07/01/2020, tại nhà chị H Th Ch ở 51/11, phường Th B, thành phố H D và tại nhà anh Ng Đ Ph ở 6/14/146 phố Đ M, phường Th B, thành phố H D. Đ V L và Đ V Đ có hành vi phá khóa công mở khóa cửa lén lút chiếm đoạt một chiếc xe máy điện nhãn hiệu HTC, màu đen biển số 34MĐ1-353.47, 01 chiếc tivi màn hình phẳng nhãn hiệu TCL 55inch vỏ màu đen và 01 chiếc âm ly nhãn hiệu Jarguar PA203A của chị Ch trị giá 15.777.000đ và chiếm đoạt 01 xe máy điện nhãn hiệu GIANT, màu trắng đen biển số 34MĐ1-121.83 của anh Ph trị giá 6.570.000đ. Tổng giá trị 22.347.000đ.

Hành vi các bị cáo chiếm đoạt tài sản trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS đối với bị cáo L. Bị cáo Đ đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp tái phạm chưa được xóa án tích. Ngày 07/01/2020 bị cáo lại cố ý phạm tội chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS. Do đó với hành vi trên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có nhân thân xấu đều bị xử phạt vi phạm hành chính, bị xử phạt tù về tội chiếm đoạt nhưng khi chấp hành xong hình phạt tù ra trại các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân lại phạm tội Trộm cắp tài sản tiếp. Do vậy cần phải có mức hình phạt, xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đồng phạm giản đơn nhưng cần đánh giá vai trò của từng bị cáo để xem xét mức hình phạt đối với từng bị cáo. Bị cáo L là người đề xuất trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Đ là người chuẩn bị công cụ phạm tội trực tiếp thực hành tích cực. Do vậy bị cáo L có mức hình phạt cao hơn bị cáo Đ.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L, Đ thực hiện hai hành vi trộm cắp tài sản. Mỗi hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" nên các bị cáo L, Đ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*phạm tội hai lần trở lên*" theo điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường cho bị hại anh Ph, chị H, chị Ch. Anh Ph, chị H, chị Ch đã nhận đủ số tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội gây thiệt hại không lớn theo điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp của chị Ch, anh Ph, chị H không thu hồi được nhưng các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Ph, chị H, chị Ch số tiền theo kết luận định giá tài sản. Chị Ch nhận đủ số tiền 15.777.000đ; anh Ph, chị H nhận đủ số tiền 6.570.000đ. Chị Ch, anh Ph, chị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên trách nhiệm dân sự không giải quyết.

- Đối với chị B Th Th Th, chị H Th L là người thân của các bị cáo, các bị cáo đã đưa tiền nhờ các chị đứng lên giao tiền bồi thường cho chị Ch, anh Ph. Chị L, chị Th xác định không có liên quan gì đến khoản tiền bồi thường của các bị cáo nên trách nhiệm dân sự không giải quyết.

[8] Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội trộm cắp tài sản, Đ mượn của bạn Đ (không rõ tên tuổi địa chỉ) sau khi phạm tội Đ đã trả lại bạn của Đ chiếc xe trên; đối với chiếc điện thoại của Đ, L liên lạc phạm tội. L, Đ đã làm mất; chiếc then cửa bằng kim loại Đ đã vứt đi nên không thu giữ được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Dương đã thông báo truy tìm nhưng không thu giữ được nên số vật chứng trên không giải quyết là phù hợp.

[9] Án phí: Các bị cáo phạm tội phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu lệ phí, án phí Tòa án.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

*Vì lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58; 38 BLHS; Điều 306 BLTTHS; Luật phí, lệ phí

Toà án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí Toà án.

Tuyên bố bị cáo Đ V L phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Đ V L **20** (hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam 26/5/2020.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 58, 38 BLHS; Điều 306 BLTTHS; Luật phí, lệ phí Toà án; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định mức thu lệ phí, án phí Toà án.

Tuyên bố bị cáo Đ V Đ phạm tội " Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Đ V Đ **27** (hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giam 26/5/2020.

- Án phí: Buộc các bị cáo Đ V L, Đ V Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các Bị cáo Đ V L, Đ V Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- CQTHA hình sự Công an tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT Công an TP.Hải Dương;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA TP. Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hương**